

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ**

**ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11-27
Phụ lục 01: Danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn	28



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14/12/2007 và các Giấy phép Điều chỉnh số 31/UBCK-GPĐC ngày 19/01/2009, số 75/UBCK-GPĐC ngày 27/07/2010, số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/10/2011, số 07/GPĐC-UBCK ngày 28/03/2014, số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên
Bà Hồ Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thủy	Giám đốc
Ông Mai Kim Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Tân	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Lợi	Thành viên
Bà Đào Thị Thu Hường	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Trần Thị Thủy**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ về các vấn đề sau:

Cơ sở trích lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết được xác định dựa trên báo giá của 03 công ty chứng khoán từ trước thời điểm 30/06/2017 trên 01 tháng, chi tiết giá trị trích lập dự phòng được trình bày tại Phụ lục số 01 và Ban Giám đốc Công ty thận trọng đánh giá và tin tưởng việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán chưa niêm yết dựa trên các thông tin này là phù hợp.

Tại ngày 29/12/2016, Công ty và Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng đã ký Biên bản làm việc về việc hoàn trả lợi nhuận cố định và phần vốn góp của Công ty tại dự án. Tuy nhiên do Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng chưa hoàn trả số tiền phải thu theo đúng tiến độ trong Biên bản làm việc trên giữa hai bên và tiếp tục ký Biên bản làm việc ngày 27/06/2017 gia hạn thanh toán toàn bộ công nợ đến thời điểm 27/03/2018 vì vậy Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng không ghi nhận số lợi nhuận cố định cho thời gian từ ngày 01/07/2016 đến ngày 27/06/2017.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>131.372.504.037</b>	<b>130.928.826.883</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>49.182.337.448</b>	<b>39.505.500.705</b>
111	1. Tiền		4.182.337.448	27.505.500.705
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.000.000.000	12.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>56.828.724.485</b>	<b>82.053.627.450</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		57.975.719.200	83.801.601.952
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.146.994.715)	(1.747.974.502)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.813.446.272</b>	<b>8.891.945.277</b>
131	1. Phải thu khách hàng		18.330.075	18.330.075
132	2. Trả trước cho người bán	5	1.500.000.000	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	3.630.443.170	3.676.251.495
135	4. Các khoản phải thu khác	7	19.664.673.027	5.197.363.707
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>547.995.832</b>	<b>477.753.451</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	541.999.996	381.060.572
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	5.995.836	96.692.879
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>566.627.974</b>	<b>617.901.556</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>394.422.800</b>	<b>394.422.800</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác		394.422.800	394.422.800
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>172.205.174</b>	<b>223.478.756</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	114.255.192	127.528.770
222	- Nguyên giá		1.275.186.468	1.241.286.468
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.160.931.276)	(1.113.757.698)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.949.982	95.949.986
228	- Nguyên giá		207.000.000	207.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(149.050.018)	(111.050.014)
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>131.939.132.011</b>	<b>131.546.728.439</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017


(tiếp theo)

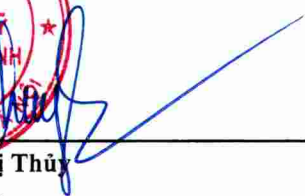

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>17.491.075.900</b>	<b>18.586.933.358</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>17.491.075.900</b>	<b>18.586.933.358</b>
313	1. Người mua trả tiền trước		-	499.200.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	54.620.065	121.749.900
315	3. Phải trả người lao động		605.615.195	602.896.355
316	4. Chi phí phải trả	13	1.220.132.000	675.620.623
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	14.958.949.440	16.375.557.280
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		651.759.200	311.909.200
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	15	<b>114.448.056.111</b>	<b>112.959.795.081</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		999.048.486	999.048.486
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.799.048.486	1.299.048.486
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.284.011.788	784.011.788
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.365.947.351	9.877.686.321
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>131.939.132.011</b>	<b>131.546.728.439</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		1.411.440.000	4.203.840.000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		1.411.440.000	4.203.840.000
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		17.906.550.000	18.928.550.000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		40.898.253.400	16.500.955.310
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		40.898.253.400	16.500.955.310
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		8.285.152.123.968	11.126.468.618.520
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		8.285.152.123.968	11.126.468.618.520
050	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		53.117.767.758	7.677.489.980
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		8.623.446.122	8.512.693.027

  
Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập

  
Đỗ Thị Kim Cúc  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán

  
  
Trần Thị Thủy  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	7.972.308.121	9.793.445.500
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	7.972.308.121	9.793.445.500
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	17	3.695.213.637	3.523.650.539
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.277.094.484	6.269.794.961
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	4.597.578.380	4.811.304.297
22	7. Chi phí tài chính	19	(496.326.117)	633.481.646
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.292.040.908	8.138.318.368
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.078.958.073	2.309.299.244
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.078.958.073	2.309.299.244
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	90.697.043	161.174.720
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.988.261.030</u>	<u>2.148.124.524</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	199	215

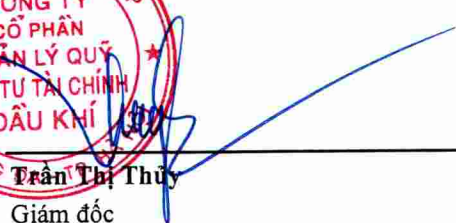


Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập



Đỗ Thị Kim Cúc  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



  
Trần Thị Thủy  
Giám đốc


Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		17.010.229.957	9.446.975.835
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(8.837.250.242)	(7.261.975.393)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.808.597.423)	(4.400.252.108)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(279.610.839)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.800.543.390	9.832.290.162
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.304.956.671)	(3.468.131.079)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>859.969.011</b>	<b>3.869.296.578</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(33.900.000)	(118.700.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(15.000.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		7.300.000.000	2.683.688.263
27	4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.550.767.732	1.626.808.150
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>8.816.867.732</b>	<b>(10.808.203.587)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>9.676.836.743</b>	<b>(6.938.907.009)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>39.505.500.705</b>	<b>33.838.925.876</b>
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	3	<b>49.182.337.448</b>	<b>26.900.018.867</b>

  
Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập

  
Đỗ Thị Kim Cúc  
Trưởng phòng Tài chính kế toán

  
  
Trần Thị Thủy  
Giám đốc


Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017


## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6 tháng đầu năm 2017	Thuyết minh	01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2017 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	999.048.486	-	-	999.048.486
3.	Quỹ dự phòng tài chính	1.299.048.486	500.000.000	-	1.799.048.486
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	784.011.788	500.000.000	-	1.284.011.788
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.877.686.321	1.988.261.030	(1.500.000.000)	10.365.947.351
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>112.959.795.081</b>	<b>2.988.261.030</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	<b>114.448.056.111</b>

6 tháng đầu năm 2016	Thuyết minh	01/01/2016 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2016 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	999.048.486	-	-	999.048.486
3.	Quỹ dự phòng tài chính	999.048.486	300.000.000	-	1.299.048.486
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	484.011.788	300.000.000	-	784.011.788
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.452.299.277	2.148.124.524	(900.000.000)	9.700.423.801
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>110.934.408.037</b>	<b>2.748.124.524</b>	<b>(900.000.000)</b>	<b>112.782.532.561</b>

  
Phạm Thị Thanh Vân  
Người lập

  
Đỗ Thị Kim Cúc  
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14/12/2007 và các Giấy phép Điều chỉnh số 31/UBCK-GPĐC ngày 19/01/2009, số 75/UBCK-GPĐC ngày 27/07/2010, số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/10/2011, số 07/GPĐC-UBCK ngày 28/03/2014, số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Thông tư 53/2016/TT-BTC có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53/2016/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm
- Phần mềm máy tính	02 năm

## 2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

## 2.8 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất mà công ty thu thập được; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.12 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.13 . Các khoản thuế

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**2.14 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	243.803.351	116.056.743
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.938.534.097	27.389.443.962
Các khoản tương đương tiền (*)	45.000.000.000	12.000.000.000
	<b>49.182.337.448</b>	<b>39.505.500.705</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2017 là tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,6%/năm đến 9,5%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	27.512.082.836	33.537.965.588
Đầu tư ngắn hạn khác	30.463.636.364	50.263.636.364
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.146.994.715)	(1.747.974.502)
	<b>56.828.724.485</b>	<b>82.053.627.450</b>

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm đầu tư tài chính ngắn hạn được chi tiết trong Phụ lục 01 trang 28 kèm theo.



**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước tiền mua cổ phiếu Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)	1.500.000.000	-
	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>

Toàn bộ số tiền ứng trước cho người bán là 100% giá trị chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí theo Hợp đồng mua bán số 0501/2017/HĐMBCK/PVFCC-CN; đến ngày 30/06/2017 vẫn chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng đối với số cổ phiếu này, trong tháng 7/2017 thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất.

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	3.630.443.170	3.676.251.495
	<b>3.630.443.170</b>	<b>3.676.251.495</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	5.237.793.063	4.297.179.436
Phải thu lãi tiền gửi	1.545.455.554	564.233.332
Phải thu Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng (*)	12.500.000.000	-
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	268.000.000	318.000.000
Phải thu khác	113.424.410	17.950.939
	<b>19.664.673.027</b>	<b>5.197.363.707</b>

(\*) Số tiền phải thu còn lại của Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 06/2014/HĐHT-PVFCC-CT ngày 27/01/2014 với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng tại Dự án 12 Đỗ Ngọc Du, hai bên đã ký Biên bản làm việc ngày 29/12/2016 về việc hoàn trả lợi nhuận cố định và phần vốn góp của Công ty tại dự án. Tuy nhiên do Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng chưa hoàn trả số tiền phải thu theo đúng tiến độ trong Biên bản làm việc trên giữa hai bên và tiếp tục ký Biên bản làm việc ngày 27/06/2017 gia hạn thanh toán toàn bộ công nợ đến thời điểm 27/03/2018 vì vậy Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng không ghi nhận số lợi nhuận cố định cho thời gian từ ngày 01/07/2016 đến ngày 27/06/2017.

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí thuê xe	425.333.333	110.295.572
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	116.666.663	270.765.000
	<b>541.999.996</b>	<b>381.060.572</b>

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.995.836	96.692.879
	<b>5.995.836</b>	<b>96.692.879</b>

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2017	456.648.182	784.638.286	1.241.286.468
Mua sắm	33.900.000	-	33.900.000
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>490.548.182</b>	<b>784.638.286</b>	<b>1.275.186.468</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2017	435.425.252	678.332.446	1.113.757.698
Trích khấu hao	7.941.666	39.231.912	47.173.578
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>443.366.918</b>	<b>717.564.358</b>	<b>1.160.931.276</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2017	21.222.930	106.305.840	127.528.770
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>47.181.264</b>	<b>67.073.928</b>	<b>114.255.192</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 469.898.182 đồng

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 30/06/2017 là Phần mềm máy tính có nguyên giá 207.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2017 là 149.050.018 đồng, trong đó khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2017 là 38.000.004 đồng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	54.620.065	121.749.900
	<b>54.620.065</b>	<b>121.749.900</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	961.632.000	534.240.000
Chi phí phải trả khác	258.500.000	141.380.623
	<u><b>1.220.132.000</b></u>	<u><b>675.620.623</b></u>

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	9.061.091	7.257.286
Bảo hiểm xã hội	76.127.054	77
Bảo hiểm y tế	13.175.836	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.855.928	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	14.230.000.000	14.230.000.000
Phải trả về hợp đồng mua bán chứng khoán	37.770.695	37.770.695
Phải trả khác	586.958.836	2.100.529.222
	<u><b>14.958.949.440</b></u>	<u><b>16.375.557.280</b></u>

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>6 tháng đầu năm 2016</b>						
Tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	999.048.486	999.048.486	484.011.788	8.452.299.277	110.934.408.037
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	2.148.124.524	2.148.124.524
Phân phối lợi nhuận	-	-	300.000.000	300.000.000	(900.000.000)	(300.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>999.048.486</b>	<b>1.299.048.486</b>	<b>784.011.788</b>	<b>9.700.423.801</b>	<b>112.782.532.561</b>
<b>6 tháng đầu năm 2017</b>						
Tại ngày 01/01/2017	100.000.000.000	999.048.486	1.299.048.486	784.011.788	9.877.686.321	112.959.795.081
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.988.261.030	1.988.261.030
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	500.000.000	(1.500.000.000)	(500.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>999.048.486</b>	<b>1.799.048.486</b>	<b>1.284.011.788</b>	<b>10.365.947.351</b>	<b>114.448.056.111</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 71/NQ-QLQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau: trích 1.500.000.000 đồng dùng để trích lập các quỹ, còn lại bổ sung vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	99,97%	99.970.000.000	99,97%	99.970.000.000
Các cổ đông khác	0,03%	30.000.000	0,03%	30.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	100.000.000.000	100.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16 . DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>7.972.308.121</b>	<b>9.793.445.500</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	-	744.630.358
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	7.972.308.121	9.048.815.142
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.972.308.121</b>	<b>9.793.445.500</b>

**17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	3.695.213.637	3.523.650.539
	<b>3.695.213.637</b>	<b>3.523.650.539</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	2.185.804.594	1.853.263.256
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	838.500.000
Lãi đầu tư chứng khoán	665.395.926	492.732.891
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.746.377.860	1.626.808.150
	<b>4.597.578.380</b>	<b>4.811.304.297</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	104.653.670	3.316.311.737
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(600.979.787)	(2.682.830.091)
	<b>(496.326.117)</b>	<b>633.481.646</b>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.078.145.798	2.255.748.511
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	148.208.007	233.046.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.173.582	57.294.413
Thuế, phí và lệ phí	34.795.085	13.734.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.155.599.776	2.416.021.859
Chi phí khác bằng tiền	2.790.118.660	3.162.473.180
	<b>7.292.040.908</b>	<b>8.138.318.368</b>

**21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.078.958.073	2.309.299.244
Các khoản điều chỉnh tăng	120.905.000	123.382.500
- Chi phí không hợp lệ	120.905.000	123.382.500
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.746.377.860)	(1.626.808.150)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.746.377.860)	(1.626.808.150)
Tổng thu nhập tính thuế	453.485.213	805.873.594
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>90.697.043</b>	<b>161.174.720</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(96.692.879)	279.610.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(279.610.839)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(5.995.836)</b>	<b>161.174.719</b>

## 22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.988.261.030	2.148.124.524
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.988.261.030	2.148.124.524
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>199</b>	<b>215</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

## 23 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ

**Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:**

1) Tính đến ngày 30/06/2017, Công ty đang thực hiện một số Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (Trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với tổng số vốn đầu tư theo cam kết là 20.150 tỷ đồng, số vốn thực tế đang quản lý tương ứng là 8.173 tỷ đồng.

2) Tính đến ngày 30/06/2017, Công ty đang thực hiện một số Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí với tổng số vốn thực tế đang quản lý là 12 tỷ đồng.

3) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), PVN đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng số vốn đầu tư là 175 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/06/2017, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang quản lý là 175 tỷ đồng.

**Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán**

Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 01

Theo Hợp đồng quản lý quỹ đầu tư với Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF), Công ty được ủy quyền thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng này.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư tại ngày 30/06/2017 là: 51.349.053.839 đồng tương ứng với 4.960.997 chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

## 24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	49.182.337.448	-	39.505.500.705	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	23.707.869.072	-	9.286.368.077	-
Chứng khoán kinh doanh	27.512.082.836	(1.146.994.715)	33.537.965.588	(1.747.974.502)
Đầu tư ngắn hạn khác	30.463.636.364	-	50.263.636.364	-
	<b>130.865.925.720</b>	<b>(1.146.994.715)</b>	<b>132.593.470.734</b>	<b>(1.747.974.502)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	14.958.949.440	16.375.557.280
Chi phí phải trả	1.220.132.000	675.620.623
	<b>16.179.081.440</b>	<b>17.051.177.903</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Chứng khoán kinh doanh	26.365.088.121	-	-	26.365.088.121
	<b>26.365.088.121</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.365.088.121</b>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Chứng khoán kinh doanh	31.789.991.086	-	-	31.789.991.086
	<b>31.789.991.086</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.789.991.086</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.182.337.448	-	-	49.182.337.448
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	23.313.446.272	394.422.800	-	23.707.869.072
Đầu tư ngắn hạn khác	30.463.636.364	-	-	30.463.636.364
	<b>102.959.420.084</b>	<b>394.422.800</b>	<b>-</b>	<b>103.353.842.884</b>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.505.500.705	-	-	39.505.500.705
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	8.891.945.277	394.422.800	-	9.286.368.077
Đầu tư ngắn hạn khác	50.263.636.364	-	-	50.263.636.364
	<b>98.661.082.346</b>	<b>394.422.800</b>	<b>-</b>	<b>99.055.505.146</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	14.958.949.440	-	-	14.958.949.440
Chi phí phải trả	1.220.132.000	-	-	1.220.132.000
	<b>16.179.081.440</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.179.081.440</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.375.557.280	-	-	16.375.557.280
Chi phí phải trả	675.620.623	-	-	675.620.623
	<b>17.051.177.903</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.051.177.903</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Toàn bộ doanh thu trong kỳ của Công ty thuộc lĩnh vực quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
<b>Doanh thu về phí quản lý danh mục đầu tư</b>		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Công ty mẹ	7.870.182.842	9.018.481.808
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Cùng Công ty mẹ	102.125.279	30.333.334
<b>Doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</b>		
- Quỹ thành viên Tập trung cổ phần hóa Việt Nam (VEFF) Bên nhận góp vốn	-	744.630.358
<b>Thu nhập từ lãi tiền gửi</b>		
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam Công ty mẹ	223.125.453	595.214.159
<b>Chi phí thuê văn phòng</b>		
- Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Cùng Công ty mẹ	961.632.000	1.068.480.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu về phí quản lý danh mục đầu tư</b>		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Công ty mẹ	3.615.276.503	3.655.918.161
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Cùng Công ty mẹ	15.166.667	20.333.334
<b>Phải thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</b>		
- Quỹ thành viên Tập trung cổ phần hóa Việt Nam (VEFF) Bên nhận góp vốn	-	124.428.284
<b>Phải thu về lãi tiền gửi</b>		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Công ty mẹ	59.288.889	84.111.111

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	740.909.336	815.357.511

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

	Mã số	Phân loại và	Trình bày trên báo
		trình bày lại	cáo năm trước
		VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Các khoản phải thu khác	135	5.197.363.707	5.202.363.707
Phải thu dài hạn khác	218	394.422.800	389.422.800



**Phạm Thị Thanh Vân**  
Người lập



**Đỗ Thị Kim Cúc**  
Trưởng phòng Tài chính kế toán




**Trần Thị Thủy**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị thị trường	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán niêm yết</b>	<b>2.764.030.204</b>	<b>6.745.912.956</b>	<b>258.204.701</b>	<b>12.834.485</b>	<b>(108.172.083)</b>	<b>(658.051.870)</b>	<b>2.914.062.822</b>	<b>6.100.695.571</b>
- DCM	529.181.043	2.647.781.304	105.228.957	-	-	(396.917.304)	634.410.000	2.250.864.000
- DPM	875.678.215	670.921.540	-	-	(100.178.215)	(134.521.540)	775.500.000	536.400.000
- FCN	-	819.816.112	-	-	-	(94.016.112)	-	725.800.000
- HPG	709.662.900	936.465.515	26.337.100	12.834.485	-	-	736.000.000	949.300.000
- MBB	221.754.256	1.428.251.898	126.638.644	-	-	(19.529.898)	348.392.900	1.408.722.000
- PXS	13.140	13.140	-	-	(3.218)	(3.569)	9.922	9.571
- PVS	427.740.650	242.663.447	-	-	(7.990.650)	(13.063.447)	419.750.000	229.600.000
<b>Chứng khoán chưa niêm yết (1)</b>	<b>24.748.052.632</b>	<b>26.792.052.632</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(1.038.822.632)</b>	<b>(1.089.922.632)</b>	<b>23.709.230.000</b>	<b>25.702.130.000</b>
- Ngân hàng TMCP An Bình	1.782.052.632	1.782.052.632	-	-	(864.922.632)	(864.922.632)	917.130.000	917.130.000
- Công ty Cổ phần Phú Sơn	6.956.000.000	9.000.000.000	-	-	(173.900.000)	(225.000.000)	6.782.100.000	8.775.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí (PSA)	8.700.000.000	8.700.000.000	-	-	-	-	8.700.000.000	8.700.000.000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Mỹ	2.310.000.000	2.310.000.000	-	-	-	-	2.310.000.000	2.310.000.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>30.463.636.364</b>	<b>50.263.636.364</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.463.636.364</b>	<b>50.263.636.364</b>
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 09 tháng	20.000.000.000	26.900.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000	26.900.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Chứng chỉ Quỹ thành viên Tập trung cổ phần hóa Việt Nam (2)	4.463.636.364	4.463.636.364	-	-	-	-	4.463.636.364	4.463.636.364
- Hợp tác kinh doanh HTX Công nghiệp Chiến Thắng	-	12.900.000.000	-	-	-	-	-	12.900.000.000
	<b>57.975.719.200</b>	<b>83.801.601.952</b>	<b>258.204.701</b>	<b>12.834.485</b>	<b>(1.146.994.715)</b>	<b>(1.747.974.502)</b>	<b>57.086.929.186</b>	<b>82.066.461.935</b>

(1) Giá trị thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết đang được xác định dựa trên báo giá của 03 công ty chứng khoán từ trước thời điểm 30/06/2017 trên 01 tháng. Theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, trường hợp không xác định được giá trị thực tế của chứng khoán thì công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty thận trọng đánh giá và tin tưởng việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán chưa niêm yết dựa trên các thông tin này là phù hợp.

(2) Giá trị khoản vốn góp thành lập Quỹ thành viên Tập trung cổ phần hóa Việt Nam tại ngày 30/06/2017 (tương đương 9,09%). Quỹ được thành lập từ ngày 25/10/2011 và có thời gian hoạt động 05 năm kể từ ngày thành lập, hiện Quỹ đang trong quá trình thanh lý tài sản để giải thể.

